

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA VỀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NGƯỜI BẠN ĐỜI

Nguyễn Thị Nga, Vũ Thị Hạnh, Huỳnh Bích Phụng
Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Khánh Hòa

Tóm tắt: Trong bối cảnh xã hội hiện đại, giới trẻ nói chung và sinh viên nói riêng chịu sự tác động của nhiều yếu tố nên nhận thức về các vấn đề hôn nhân gia đình đã có nhiều chuyển biến, trong đó có tiêu chí lựa chọn người bạn đời. Từ nhận thức dẫn tới quyết định, cách hành xử trong hôn nhân và điều này ảnh hưởng tới sự bền vững, hạnh phúc của gia đình cũng như sự ổn định, phát triển của xã hội. Và bằng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, tác giả tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng nhận thức sinh viên của trường Đại học Khánh Hòa về tiêu chí lựa chọn người bạn đời trong tương lai. Kết quả nghiên cứu không chỉ phản ánh quan điểm, kỳ vọng của sinh viên về người bạn đời, mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc định hướng giáo dục, điều chỉnh những nhận định thiên lệch giúp thế hệ trẻ tạo dựng nền tảng vững chắc cho đời sống hôn nhân gia đình sau này.

Từ khóa: Nhận thức, tiêu chí người bạn đời, sinh viên.

STUDENTS' PERCEPTIONS AT KHANH HOA UNIVERSITY ON CRITERIA FOR CHOOSING A LIFE PARTNER

Nguyen Thi Nga, Vu Thi Hanh, Huynh Bich Phung
Faculty of Social Sciences and Humanities – Khanh Hoa University

Abstract: In the context of modern society, young people in general and university students in particular are influenced by many factors, leading to significant changes in their perceptions of marriage and family issues, including the criteria for choosing a life partner. From perception comes decision-making and behavior in marriage, which in turn affects the stability and happiness of the family as well as the overall development of society. Using various research methods, we conducted an analysis and assessment of students' perceptions at Khanh Hoa University regarding the criteria for choosing a future life partner. The research results not only reflect students' views and expectations about their life partners but also provide a scientific basis for educational orientation and adjustment of biased perceptions, thereby helping the younger generation build a solid foundation for future marital and family life.

Keywords: Perception, criteria for life partner, students.

Nhận bài: 20/07/2025

Phản biện: 19/08/2025

Duyệt đăng: 24/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường, truyền thông, các quan điểm mới về hôn nhân nên mong muốn, kỳ vọng về người bạn đời cũng có những thay đổi nhất định, phản ánh sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại. Sinh viên - với tư cách là lực lượng tri thức trẻ và cũng là chủ thể của hôn nhân trong tương lai, chính là đối tượng phù hợp để nghiên cứu về vấn đề này. Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả đã tiến hành khảo sát 350 sinh viên trường Đại học Khánh Hòa nhằm lấy cơ sở dữ liệu nghiên cứu, kết hợp với phương pháp phỏng vấn sâu và phân tích tài liệu thứ cấp khác để phân tích thực trạng nhận thức của sinh viên trường Đại học Khánh Hòa về tiêu chí lựa chọn bạn đời trong tương lai. Kết quả nghiên cứu không chỉ làm rõ quan điểm, nhu cầu, kỳ vọng của sinh viên về hôn nhân gia đình mà còn có ý nghĩa trong việc định hướng giáo dục nhằm giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp, khuyến khích những giá trị mới tiến bộ, đồng thời điều chỉnh những tư tưởng, quan niệm sai lệch về tiêu chí lựa chọn bạn đời, nhằm giúp các bạn trẻ tạo dựng hành trang xây dựng một gia đình hạnh phúc trong tương lai.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện dựa trên dữ liệu khảo sát 350 sinh viên các khóa 6, 7, 8, 9 thuộc nhiều khoa khác nhau của Trường Đại học Khánh Hòa, thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2024. Toàn bộ 350 phiếu khảo sát đều hợp lệ, trong đó sinh viên năm 4 chiếm tỷ lệ cao nhất (33,4%), tiếp đến là năm 3 (24,3%), năm 2 (22,6%) và năm 1 (19,7%). Về giới tính, 62,3% là nữ và 37,7% là nam. Phân bố theo khoa cho thấy Khoa Du lịch chiếm 40,0%, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn 28,0%, Khoa Ngoại ngữ 24,6%, Khoa Sư phạm 5,7% và thấp nhất là Khoa Tự nhiên và Công nghệ với 1,7%. Xét về độ tuổi, nhóm 21 tuổi chiếm ưu thế (34,9%), tiếp đến là 20 tuổi (21,4%), 19 tuổi (18,9%), 18 tuổi (18,3%), trong khi nhóm 22 tuổi trở lên chỉ chiếm 6,5%. Ngoài ra, sinh viên thành thị chiếm 62,6% và sinh viên nông thôn chiếm 37,4%.

Bên cạnh khảo sát định lượng, nhóm tác giả tiến hành 10 cuộc phỏng vấn sâu với sinh viên các khoa, giúp khai thác chi tiết hơn quan điểm cá nhân và bổ sung cho kết quả điều tra bằng phiếu.

Ngoài ra, các tài liệu thứ cấp liên quan đến giá trị và nhận thức hôn nhân gia đình cũng được tham khảo, nhằm hệ thống hóa lý luận và đối chiếu kết quả nghiên cứu thực tế.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Tiêu chí lựa chọn bạn đời

Theo Trần Thị Minh Đức (2006, tr.96) “Bạn đời là người đồng hành trong cuộc sống hôn nhân, không chỉ là người cùng chung sống mà còn là người chia sẻ, thấu hiểu, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, từ tinh thần đến vật chất”. Qua khái niệm này, bạn đời là người đồng hành cùng ta trong suốt cuộc sống hôn nhân, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, và cùng nhau xây dựng mối quan hệ dài lâu.

Vì vậy, nhận thức về bạn đời là yếu tố quan trọng góp phần quyết định sự bền vững và hạnh phúc của một mối quan hệ. Với sinh viên - đối tượng kết hôn trong tương lai thì nhận thức về bạn đời là cách mà họ hiểu, đánh giá và hình dung về hình mẫu lý tưởng của người vợ hoặc chồng sau này. Nhận thức này bao gồm những quan điểm, tiêu chí, kỳ vọng và thái độ của họ đối với người bạn đời trong mối quan hệ tình cảm và hôn nhân trong tương lai.

Sau khi xử lý kết quả khảo sát, tiêu chí lựa chọn bạn đời của sinh viên trường Đại học Khánh Hòa từ 350 phiếu khảo sát được phản ánh qua bảng sau:

Bảng 1: Tiêu chí lựa chọn bạn đời

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
Tiêu chí lựa chọn bạn đời	Tình yêu	305	10.4%	87.1%
	Sự chung thủy	308	10.5%	88.0%
	Môn đăng hộ đối	66	2.2%	18.9%
	Hình thức	59	2.0%	16.9%
	Tuổi tác	89	3.0%	25.4%
	Tính cách, phẩm chất đạo đức	274	9.3%	78.3%
	Học vấn	188	6.4%	53.7%
	Ứng xử	221	7.5%	63.1%
	Nghề nghiệp	249	8.5%	71.1%
	Thu nhập	254	8.6%	72.6%
	Sức khỏe	248	8.4%	70.9%
	Gia đình khá giả	96	3.3%	27.4%
	Sự phù hợp tính cách	212	7.2%	60.6%
	Cùng địa phương	56	1.9%	16.0%
	Cùng tông giáo	82	2.8%	23.4%
	Sự ủng hộ của cha mẹ	233	7.9%	66.6%
Total		2940	100.0%	840.0%

Kết quả nghiên cứu về nhận thức của sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa đối với tiêu chí lựa chọn bạn đời cho thấy, với 16 tiêu chí được đưa ra và tất cả đều có lượt lựa chọn, quan điểm và kỳ vọng của sinh viên được phản ánh ở nhiều phương diện khác nhau. Tuy nhiên, tỷ lệ lựa chọn không đồng đều cho thấy mỗi sinh viên có mẫu hình lý tưởng riêng, phụ thuộc vào quan điểm và nhận thức cá nhân.

Nổi bật nhất, các giá trị nhân văn và bền vững trong quan hệ hôn nhân được đề cao. Tiêu chí chung thủy (88,0%) và tình yêu (87,1%) chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp theo là phẩm chất đạo đức (78,3%), cách ứng xử (63,1%) và sự phù hợp về tính cách (60,6%). Trong khi đó, yếu tố ngoại hình

chỉ đạt 16,9%, cho thấy sinh viên đánh giá nhân cách và đạo đức quan trọng hơn so với hình thức bên ngoài. Điều này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thủy và Đinh Thị Nguyệt (2021), khẳng định giới trẻ vẫn xem nhân cách, đạo đức là nền tảng của hạnh phúc gia đình, đúng như quan niệm “tốt gỗ hơn tốt nước sơn”.

Ngoài yếu tố nhân văn, các tiêu chí thực tiễn gắn liền với điều kiện sống cũng được chú trọng, như thu nhập (72,6%), nghề nghiệp ổn định (71,1%) và sức khỏe (70,9%). Điều này phản ánh nhận thức rõ ràng của sinh viên về áp lực kinh tế trong hôn nhân, coi năng lực cá nhân và sự độc lập kinh tế của bạn đời quan trọng hơn xuất thân. Bằng chứng là tiêu chí “gia đình khá giả” chỉ đạt

27,4% và “môn đăng hộ đối” chỉ 18,9%, cho thấy sự dịch chuyển từ quan niệm truyền thống sang đề cao nỗ lực và năng lực cá nhân. Tuy nhiên, việc nhấn mạnh vào nghề nghiệp và thu nhập cũng phản ánh phần nào tính thực dụng của bối cảnh hiện đại.

Vai trò gia đình vẫn giữ vị trí nhất định trong quan niệm hôn nhân của sinh viên. Tiêu chí “sự ủng hộ của cha mẹ” chiếm 66,6%, thể hiện sự dung hòa giữa quyền tự do cá nhân và giá trị truyền thống. Gia đình được xem là chỗ dựa tinh thần và yếu tố đảm bảo cho một cuộc hôn nhân bền vững. Như vậy, dù cá nhân hóa ngày càng mạnh mẽ, truyền thống hiếu kính và tôn trọng cha mẹ vẫn được duy trì.

Một số tiêu chí ít được quan tâm như tuổi tác (25,4%), cùng tôn giáo (23,4%) và cùng địa phương (16,0%). Kết quả này phù hợp với xu hướng xã hội hiện đại, khi rào cản về địa lý, tuổi tác, hay tôn giáo dần được xóa nhòa nếu các yếu tố cốt lõi như tình yêu, chung thủy, sự hòa hợp và năng lực kinh tế được đáp ứng. Đây là minh chứng cho sự tự do hóa và bình đẳng trong quyết định hôn nhân của giới trẻ ngày nay.

Phương pháp phỏng vấn sâu giúp bổ sung những mong muốn cụ thể của sinh viên. Các bạn nữ thường nhấn mạnh sự chung thủy, yêu thương gia đình, tránh thói quen xấu như rượu chè, cờ bạc. Các bạn nam chú trọng khả năng lao động,

chia sẻ trách nhiệm, sự đồng điệu trong cảm xúc và nhận thức. Sinh viên nữ cũng đề cao sự quan tâm, thấu hiểu, tôn trọng không gian riêng. Những chia sẻ này cho thấy sinh viên vừa kế thừa các giá trị truyền thống (chung thủy, đạo đức, thấu hiểu) vừa tiếp nhận các chuẩn mực mới (bình đẳng, chia sẻ trách nhiệm, độc lập cá nhân).

Khi so sánh với nghiên cứu của Trần Thị Phụng Hà và Nguyễn Ngọc Lê (2014) về sinh viên Đại học Cần Thơ, có thể thấy sự tương đồng rõ rệt: giới trẻ đều xem trọng tính chung thủy, trung thực, trong khi các yếu tố ngoại hình, xuất thân giàu có hay môn đăng hộ đối luôn xếp thứ hạng thấp.

Tóm lại, sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa đã thể hiện nhận thức chín chắn và thực tế trong việc lựa chọn bạn đời. Họ đề cao tình yêu, sự chung thủy, nhân cách, sự hòa hợp và năng lực tự thân; đồng thời dung hòa giữa giá trị truyền thống và chuẩn mực hiện đại. Kết quả này phản ánh xu hướng lựa chọn bạn đời hướng tới hôn nhân bền vững, bình đẳng, tự nguyện và phù hợp với bối cảnh xã hội đang thay đổi nhanh chóng.

Trên đây là những phân tích chung dựa trên số liệu khảo sát từ 350 sinh viên, và khi đặt các tiêu chí trong tương quan với biến giới tính sẽ giúp làm sáng rõ vấn đề hơn.

Đối với tiêu chí tình yêu, khi đặt trong tương quan với biến giới tính kết quả như sau:

Bảng 2: Tình yêu * Giới tính Crosstabulation

			Giới tính		Total
			Nữ	Nam	
Tình yêu	Không lựa chọn	Count	26	19	45
		% of Total	7.4%	5.4%	12.9%
	Lựa chọn	Count	192	113	305
		% of Total	54.9%	32.3%	87.1%
Total	Count		218	132	350
	% of Total		62.3%	37.7%	100.0%

Qua kết quả khảo sát, đa số sinh viên, bất kể là nam hay nữ đều xem trọng tình yêu, coi nó là nền tảng quan trọng để xây dựng một cuộc hôn nhân bền vững. Tuy nhiên, mức độ ưu tiên vẫn có sự khác biệt nhất định. Theo bảng trên ta thấy, tỷ lệ nữ lựa chọn và không lựa chọn tiêu chí tình yêu đều cao hơn nam giới, cụ thể có 26 sinh viên nữ (7.4%) không lựa chọn, trong khi nam giới là 19 sinh viên (5.4%) và ở chiều ngược lại có 192 (54.9%) nữ sinh lựa chọn tiêu chí này và nam sinh là 113 (32.3%). Như vậy, mặc dù tỷ lệ sinh viên nữ lựa chọn và không lựa chọn tình yêu đều cao hơn nam nhưng tỷ lệ lựa chọn lại cao hơn nam

rất nhiều (54.9% so với 32.3%), trong khi tỷ lệ không lựa chọn lại cao hơn không đáng kể (7.4% và 5.4%), điều này chứng tỏ nữ giới xem trọng cảm xúc, coi tình yêu là nền tảng hôn nhân bền vững, hạnh phúc cao hơn nam.

Nghiên cứu khảo sát 350 sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa (218 nữ và 132 nam) cho thấy sự khác biệt giới tính trong nhận thức và kỳ vọng về các tiêu chí lựa chọn bạn đời. Việc nữ sinh chiếm tỷ lệ lớn phản ánh đặc thù ngành đào tạo, song kết quả được điều chỉnh trên số liệu từng nhóm để bảo đảm tính khách quan.

Đối với *tiêu chí tình yêu*, cả hai giới đều đánh giá cao nhưng nữ giới đề cao hơn (88,07% so với 85,61%). Tỷ lệ sinh viên nam không chọn tình yêu làm tiêu chí cao hơn nữ (14,39% so với 11,93%), cho thấy nam giới có xu hướng nhìn nhận hôn nhân đa chiều hơn, không chỉ dựa vào tình cảm mà còn cân nhắc yếu tố thực tiễn.

Với *tiêu chí chung thủy*, đây là giá trị được sinh viên quan tâm nhiều nhất, thể hiện trong cả hai nhóm với tỷ lệ rất cao (90,83% ở nữ và 83,33% ở nam). Dù chênh lệch không lớn, số liệu vẫn cho thấy nữ giới nhấn mạnh nhiều hơn đến sự tin tưởng, an toàn cảm xúc và ổn định trong hôn nhân. Ngược lại, nam giới có tỷ lệ không lựa chọn cao hơn, phản ánh một bộ phận ít coi trọng giá trị truyền thống này. Điều này đặt ra yêu cầu tăng cường giáo dục định hướng lối sống tình cảm lành mạnh cho sinh viên.

Đáng chú ý, *tiêu chí hình thức* thể hiện sự khác biệt rõ nhất giữa nam và nữ. Sinh viên nam quan tâm nhiều hơn đến ngoại hình, trong khi nữ giới có xu hướng xem nhẹ, chỉ 8,6% nữ chọn so với 12,6% nam. Mặc dù vậy, nhìn chung cả hai giới đều không coi ngoại hình là yếu tố quyết định, cho thấy sự trưởng thành khi đặt tính cách và nhân cách lên hàng đầu.

Ở *tiêu chí tính cách và phẩm chất đạo đức*, đa số sinh viên đều xem đây là tiêu chí quan trọng (78,3%). Tuy nhiên, sự chênh lệch giới tính vẫn hiện rõ: 83% nữ lựa chọn, cao hơn nhiều so với 70% nam. Trong khi đó, 29,5% nam không coi trọng tiêu chí này, gần gấp đôi tỷ lệ của nữ (17%). Điều này cho thấy nữ giới thường gắn đạo đức với sự ổn định và hạnh phúc, còn nam giới chú trọng nhiều yếu tố khác như ngoại hình hay điều kiện thực tế.

Với *tiêu chí nghề nghiệp*, sự khác biệt giới tính càng rõ. Nữ giới xem trọng nghề nghiệp ổn định của bạn đời (81,7%), cao hơn nhiều so với nam (53,8%). Ngược lại, 46,2% nam không xem trọng tiêu chí này, gần gấp đôi so với nữ (18,3%). Điều này phản ánh ảnh hưởng kéo dài của quan niệm truyền thống: nam giới giữ vai trò trụ cột về tài chính, trong khi nữ giới mong muốn sự bảo đảm kinh tế từ bạn đời.

Song song với nghề nghiệp, *tiêu chí thu nhập* cũng cho thấy sự khác biệt lớn. Nữ sinh đặt ưu tiên cao (85,7% lựa chọn), trong khi nam giới chỉ 51,5%. Tỷ lệ nam không coi trọng thu nhập gần bằng tỷ lệ lựa chọn (48,5%), trái ngược với nữ chỉ 14,7%. Sự khác biệt này cho thấy nữ giới đề cao

năng lực kinh tế như nền tảng đảm bảo hôn nhân, phản ánh ảnh hưởng bền vững của văn hóa xã hội truyền thống, nơi người chồng được gắn với trách nhiệm kinh tế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên Đại học Khánh Hòa có quan điểm khá chín chắn và thực tế khi lựa chọn bạn đời. Các tiêu chí tình yêu, chung thủy, nhân cách, nghề nghiệp và thu nhập vẫn giữ vị trí hàng đầu, trong khi các yếu tố ngoại hình, xuất thân, môn đăng hộ đối ít được quan tâm. Bên cạnh đó, sự khác biệt giới tính trong các tiêu chí cho thấy nữ giới hướng nhiều hơn đến các giá trị nhân văn và sự đảm bảo thực tiễn, còn nam giới chú trọng yếu tố hình thức và đa dạng hơn trong kỳ vọng.

Nhìn chung, sinh viên vừa kế thừa giá trị truyền thống (tình yêu, chung thủy, đạo đức, sự ủng hộ của gia đình) vừa tiếp nhận các quan niệm hiện đại (bình đẳng, chia sẻ trách nhiệm, năng lực kinh tế, tôn trọng cá nhân). Điều này phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại trong nhận thức của giới trẻ, đồng thời gợi mở những định hướng giáo dục phù hợp nhằm xây dựng quan niệm hôn nhân bền vững, tiến bộ.

2.2.2. Đánh giá chung

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức của sinh viên trường Đại học Khánh Hòa về độ tuổi kết hôn và tiêu chí lựa chọn bạn đời có nhiều điểm tích cực đáng ghi nhận. Đa số sinh viên xác định độ tuổi kết hôn phù hợp không chỉ dựa trên yếu tố sinh học mà còn gắn liền với sự trưởng thành về tâm lý, kinh tế và trách nhiệm xã hội. Điều này phản ánh sự thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng của thế hệ trẻ trước một quyết định hệ trọng của cuộc đời. Bên cạnh đó, các tiêu chí mang giá trị cốt lõi bảo đảm sự bền vững của hôn nhân như tình yêu, sự chung thủy, tính cách và phẩm chất đạo đức được sinh viên đề cao khi lựa chọn bạn đời, cho thấy những chuẩn mực truyền thống tốt đẹp về hôn nhân gia đình vẫn được thế hệ trẻ kế thừa. Ngược lại, những quan niệm truyền thống nhưng lỗi thời lạc hậu dần bị lu mờ và thay vào đó là những tư tưởng tiến bộ của xã hội hiện đại được tiếp nhận. Cụ thể, các tiêu chí về môn đăng hộ đối, gia đình khá giả không được quan tâm nhiều mà sinh viên chuyển hướng đặt kỳ vọng vào sự tự lực cá nhân của đôi phương. Ngoài ra, quyền cá nhân hóa trong hôn nhân được đề cao khi con cái có quyền quyết định lựa chọn người bạn đời của mình nên các rào cản về tuổi tác, tôn giáo, khoảng cách địa lý bị xóa mờ.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế trong nhận thức của sinh viên. Một bộ phận sinh viên còn đặt nặng các tiêu chí mang tính vật chất như thu nhập, nghề nghiệp hay xuất thân gia đình khá giả. Điều này phản ánh xu hướng thực dụng trong hôn nhân, dễ dẫn đến việc lựa chọn bạn đời dựa trên thước đo vật chất hơn tình yêu chân chính. Ngoài ra, sự khác biệt giữa nam và nữ, cũng như giữa sinh viên nông thôn và thành thị, cho thấy những kỳ vọng về bạn đời chưa thật sự đồng nhất, vẫn còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ yếu tố văn hóa - xã hội.

2.3. Giải pháp

Việc định hướng cho sinh viên trong lựa chọn bạn đời và xây dựng gia đình hạnh phúc cần được triển khai đồng bộ từ nhiều phía, bao gồm nhà trường, gia đình, xã hội và bản thân sinh viên.

Thứ nhất, *tăng cường giáo dục kỹ năng sống và kiến thức tiền hôn nhân tại trường* là giải pháp quan trọng. Sinh viên cần được trang bị hiểu biết về tâm lý lứa tuổi, pháp luật hôn nhân, bình đẳng giới cũng như quyền, nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. Do đó, các trường đại học như Trường Đại học Khánh Hòa cần thiết kế học phần về văn hóa và quản lý gia đình, hoặc lồng ghép nội dung này vào các môn học phù hợp. Đồng thời, việc tổ chức ngoại khóa, tọa đàm và tư vấn trực tiếp sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn tiêu chí lựa chọn bạn đời đúng đắn.

Thứ hai, *giáo dục giá trị truyền thống từ gia đình cần được phát huy*. Cha mẹ có vai trò định hướng không chỉ qua lời dạy mà còn qua tấm gương sống thực tế, nơi tình yêu thương, tôn trọng và trách nhiệm được thể hiện. Sự trò chuyện cởi mở giữa cha mẹ và con cái giúp sinh viên dung hòa giá trị truyền thống với quan niệm tiến bộ, chuẩn bị hành trang vững chắc cho hôn nhân.

Thứ ba, *phát huy vai trò truyền thông và định hướng xã hội*. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin, báo chí và mạng xã hội cần lan tỏa các giá trị tích cực như tình yêu chân thành, sự chung thủy, bình đẳng; đồng thời phê phán quan niệm sai lệch quá coi trọng vật chất hay hình thức.

Cuối cùng, *khuyến khích khả năng tự nhận thức và lựa chọn độc lập*. Sinh viên cần rèn luyện bản lĩnh cá nhân, khả năng tự đánh giá để tránh bị chi phối bởi định kiến xã hội. Khi có hệ giá trị cá nhân phù hợp, họ sẽ xây dựng được nền tảng bền vững cho hôn nhân và hạnh phúc gia đình.

III. KẾT LUẬN

Bài báo khoa học nghiên cứu về nhận thức của sinh viên trường Đại học Khánh Hòa về độ tuổi kết hôn và tiêu chí lựa chọn bạn đời cho thấy sự đan xen giữa các giá trị truyền thống và quan niệm hiện đại. Các giá trị về tình yêu, sự chung thủy, phẩm chất đạo đức, sự phù hợp về tính cách, tôn trọng, bình đẳng trong hôn nhân được đề cao, cho thấy sinh viên vừa duy trì những giá trị truyền thống tốt đẹp vừa tiếp nhận những quan niệm tiến bộ phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. Tuy nhiên, hạn chế vẫn tồn tại ở việc một bộ phận sinh viên còn quá chú trọng yếu tố vật chất khi lựa chọn bạn đời và số ít sinh viên có tư tưởng kết hôn ở độ tuổi quá muộn, điều này có thể ảnh hưởng đến sự bền vững của hôn nhân, ổn định của xã hội. Và trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng, tác giả đưa ra các giải pháp đồng bộ từ giáo dục, gia đình, truyền thông đến tự ý thức cá nhân có ý nghĩa quan trọng nhằm định hướng sinh viên xây dựng hệ giá trị hôn nhân đúng đắn, bền vững. Điều này không chỉ giúp thế hệ trẻ chúng chung, sinh viên trường Đại học Khánh Hòa nói riêng chuẩn bị tốt hơn cho cuộc sống gia đình trong tương lai, mà còn góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị nhân văn của hôn nhân gia đình trong xã hội Việt Nam hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Minh Đức. (2006). *Định kiến và Phân biệt đối xử theo giới*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.
2. Trần Thị Phụng Hà và Nguyễn Ngọc Lệ. (2014). *Định hướng giá trị trong tình yêu – Hôn nhân và gia đình của sinh viên Đại học Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, (33), 63-74.
3. Quốc hội. (2014). *Luật hôn nhân và gia đình*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.
4. Nguyễn Thị Thanh Thủy và Đinh Thị Nguyệt. (2021). *Giá trị hôn nhân, gia đình - Góc nhìn của thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới. (2), 102-113.
5. Nguyễn Quang Uẩn (cb). (2007). *Giáo trình Tâm lý học đại cương*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.